

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

GS.TSKH. Lê Ngọc Trà

Viện Nghiên cứu Giáo dục Trường Đại học Sư phạm Tp HCM

Chưa bao giờ ở Việt Nam những cuộc thảo luận về giáo dục lại sôi nổi và rộng khắp như hiện nay. Đó không phải do ý muốn của Bộ Giáo dục- Đào tạo mà là do chính yêu cầu của cuộc sống. Việt Nam đã gia nhập WTO, nền kinh tế Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn kinh tế thị trường. Vấn đề này không còn bàn cãi nữa. Nhưng giáo dục trong xã hội chuyển sang kinh tế thị trường, và rộng hơn là trong bối cảnh toàn cầu hóa, thì lại đang đặt ra nhiều vấn đề tranh cãi gay gắt.

Ở Việt Nam toàn cầu hóa gắn với ba yếu tố. Thứ nhất là sự sụp đổ của phe XHCN ở Đông Âu dẫn đến kết thúc của chiến tranh lạnh. Quá trình này đã xóa bỏ những ranh giới của toàn cầu hóa ý thức hệ hay toàn cầu hóa cục bộ (tức sự “làm phẳng” trong nội bộ phe XHCN), giúp Việt Nam mở cửa hội nhập với phần thế giới còn lại và cũng là phần đang phát triển mạnh mẽ nhất trong lịch sử hiện đại. Thứ hai là sự xóa bỏ nền kinh tế tập trung, bao cấp, chuyển sang nền kinh tế thị trường, kết quả rõ rệt nhất là việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới. Và thứ ba là ảnh hưởng của sự phát triển công nghệ thông tin. Ba yếu tố này trong những mức độ khác nhau đã góp phần “làm

phẳng” thế giới, tạo nên quá trình toàn cầu hóa.

Như vậy đối với Việt Nam, toàn cầu hóa không mang tính chất cưỡng bức, áp đặt mà là một cơ hội, mang tính tất yếu. Trong bối cảnh đó, đặt vấn đề toàn cầu hóa và giáo dục hoàn toàn không chỉ có ý nghĩa tiêu cực. Toàn cầu hóa, kinh tế thị trường, công nghệ thông tin hay bất cứ hiện tượng nào của cuộc sống cũng đều có hai mặt. Cái chính là ở tỉ lệ của hai mặt đó cũng như sự khai thác, sử dụng của con người.

Toàn cầu hóa mang lại cho giáo dục Việt Nam nhiều cái lợi. Trước hết nó đặt giáo dục Việt Nam trong bức tranh chung của giáo dục các nước trên thế giới, để từ đó giáo dục Việt Nam nhận ra mình đang đứng ở đâu, hay dở chỗ nào. Lâu nay trong một xã hội khép kín chúng ta dễ bằng lòng với chính mình, “*mẹ hát con khen hay*”. Việc du nhập kinh nghiệm của các nền giáo dục phát triển không chỉ có tác dụng nêu gương mà còn tạo ra những “*cú hích*” cần thiết để phá vỡ những khuôn mẫu đã cũ kỹ, lạc hậu, từ triết lý giáo dục, nội dung chương trình đến phương pháp giảng dạy, tổ chức trường học... Những kinh nghiệm tiên tiến ấy sẽ góp phần *hiện đại hoá* nền giáo dục Việt

Nam, nối kết giáo dục Việt Nam với các nền giáo dục trên thế giới, mở rộng tầm nhìn và bậc thang giá trị vượt ra biên giới quốc gia và dân tộc, hướng tới những chuẩn mực chung, *có tính chất toàn nhân loại*, từ đó đào tạo nên những con người không bị bó hẹp trong lối suy nghĩ cục bộ mà biết *tư duy có tính chất toàn cầu*, *có tinh thần dân chủ*, *có khả năng hợp tác*, có thể làm việc trong môi trường quốc tế.

Toàn cầu hóa đã mang vào Việt Nam bức tranh hấp dẫn của các nền giáo dục tiên tiến. Bức tranh ấy lôi cuốn các nhà quản lý giáo dục, làm cho họ thấy cần phải thay đổi giáo dục Việt Nam cho thật nhanh, thay đổi cùng một lúc tất cả. Tuy nhiên nguyện vọng tốt đẹp nhưng duy ý chí ấy đã để ra phương châm “*đi tắt đón đầu*” theo kiểu “*tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không thông qua chủ nghĩa tư bản*” vốn đã một thời để lại những hậu quả nghiêm trọng. Nhiều chủ trương ồ ạt về giáo dục hiện nay như: hai vạn tiến sĩ, xếp loại đại học, đào tạo theo tín chỉ, tăng học phí ở giáo dục phổ thông phản ánh tâm lý muốn “*nhảy vọt*”, muốn bắt chước các nước tiên tiến, muốn nhanh chóng thực thi quan niệm xem giáo dục như một hoạt động dịch vụ, có tính chất thị trường mà quên rằng giáo dục đại học ở các nước ấy đã phát triển trước chúng ta hàng trăm năm, rằng cơ sở vật chất của trường học ở ta còn vô cùng nghèo nàn, rằng đồng lương của thầy giáo còn không đủ ăn. Nếu chúng ta đã muốn xây dựng những trường đại học lớn, tầm cỡ quốc tế thì phải bắt đầu từ việc xây dựng từng bộ môn, từng khoa và làm dần dần, chứ không phải là vội vã nhập các trường đại học hoàn chỉnh thành một vài đại học quốc gia để rồi một thời gian sau lại cho các trường tách ra. Gần đây việc nâng hàng loạt

trường Cao đẳng lên thành Đại học, thậm chí một số khoa trung cấp lên thành khoa của trường đại học, nhiều người đang dạy trung cấp và cao đẳng bỗng dưng trở thành giảng viên đại học, đã bộc lộ cái nhìn thiên cận về giáo dục đại học, thể hiện cách làm duy ý chí, nóng vội, cầu thả mà chắc chắn chúng ta phải trả giá trong một thời gian dài.

Văn hóa và giáo dục là những thứ hình thành dần dần, không phải muốn là có ngay một lúc. Toàn cầu hóa mang lại những bức tranh đẹp về nền giáo dục tiên tiến của các nước, như một làn sóng tràn vào làm xáo động giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên học tập, bắt chước như thế nào nhất định phải dựa trên những điều kiện thực tế của Việt Nam.

Chúng ta đã nói rằng toàn cầu hóa là cơ hội, là xu thế tất yếu. Trong bối cảnh đó một trong những cách ứng xử khôn ngoan nhất là phải chủ động. Chủ động lựa chọn những kinh nghiệm hay và phù hợp với thực tiễn của mình. Nhiều khi cái chúng ta cần bắt chước không phải là cái mà các nước tiên tiến đang làm mà là những kinh nghiệm của họ trong quá khứ, những kinh nghiệm để đi lên từ một nền giáo dục còn lạc hậu đến một nền giáo dục có đẳng cấp quốc tế. Đặc biệt chúng ta phải chủ động trong việc giữ gìn những giá trị đặc sắc của nền giáo dục dân tộc đã hình thành và phát triển hàng ngàn năm, từ đó giúp vào việc bồi dưỡng đạo đức và tâm hồn của thế hệ trẻ. Cần phải nhận thức một cách sâu sắc rằng toàn cầu hóa trong kinh tế khác toàn cầu hóa trong văn hóa và giáo dục. Thế giới có thể “*phẳng*” về kinh tế và công nghệ nhưng không thể “*phẳng*” về văn hóa và giáo dục. Bởi vì văn hóa và giáo dục là vấn đề con người, vấn đề đời sống tinh thần và nhân cách của cá nhân mà

mỗi cá nhân là một số phận, một vũ trụ riêng tư không lặp lại, gắn với môi trường, với cộng đồng bằng trăm ngàn sợi dây liên hệ khác nhau. Chúng ta vẫn hay nói về bản sắc của văn hóa. Nhưng văn hóa không thể hình thành thiếu giáo dục. Bởi vậy muốn giữ gìn bản sắc văn hóa nhất định phải gìn giữ bản sắc của giáo dục, gìn giữ cái riêng trong việc đào tạo con người. Cái riêng ấy chủ yếu không nằm trong việc truyền bá tri thức mà nằm trong quá trình bồi dưỡng ý thức về các giá trị, quá trình làm cho cá nhân không chỉ thông minh và mạnh mẽ hơn mà còn nhân hậu hơn, có đời sống tâm hồn phong phú hơn. Rốt cuộc thì không phải công nghệ sẽ cứu thế giới, mà tình yêu, “*cái đẹp sẽ cứu thế giới*” (*F. Dostoiepxki*).

Giáo dục Việt Nam đã có một truyền thống lâu đời dựa trên phương châm “*Tiên học Lễ, hậu học Văn*”. Đó là một di sản quý báu. Mỗi thời đại giải thích phương châm này theo cách của mình, nhưng cái chung nhất vẫn là đề cao những giá trị đạo đức, đề cao việc làm người. Nếu chúng ta hiểu “*Tiên học Lễ*” không phải là giáo dục sự phục tùng, chỉ biết vâng lời, mà là giáo dục lòng kính trọng đối với người khác, sự tôn trọng những giá trị tốt đẹp, giáo dục lòng hiếu thảo và vị tha, tinh thần nhân ái, ý thức về cộng đồng, thì phải xem đây là truyền thống tốt đẹp cần được phát huy trong thời đại toàn cầu hóa. Để tồn tại trong thời đại toàn cầu hóa mỗi dân tộc cần phải có cái riêng của mình. Sự đa dạng về văn hóa và giáo dục không chỉ có lợi cho việc bảo vệ bản sắc của mỗi dân tộc mà còn quan trọng với toàn nhân loại: Thế giới sẽ trở nên nhạt nhẽo biết chừng nào nếu tất cả chỉ có một màu, mọi thứ đều giống nhau.

Chúng ta đã có những truyền thống tốt đẹp như “*Tiên học Lễ, hậu học Văn*”, “*Tôn Sư trọng Đạo*”. Rất tiếc là những giá trị ấy đang bị mai một. Nếu không biết giữ gìn và phát huy, chúng rất dễ bị chìm đi trong làn sóng toàn cầu hóa, trong thời đại kinh tế tri thức. Một xã hội tiến đến công nghiệp hóa đang biến những người đi dạy học và chữa bệnh thành những người hành nghề chứ không còn là thầy, là lương y, từ mẫu. Trong khi mà nền kinh tế thị trường chưa đề ra được cơ chế kiểm soát tương ứng với nó, trong khi xã hội chưa đủ những ràng buộc pháp lý cần thiết đối với mỗi thành viên của nó thì rất nhiều thứ phải trông chờ vào sự lương thiện của con người. Nếu xã hội không tôn trọng thầy giáo và thầy giáo chỉ cư xử với học sinh như một người hành nghề thì điều gì sẽ xảy ra. Giáo dục Việt Nam gắn chặt với văn hóa Việt Nam. Cũng như văn hóa, nó phải đóng góp vào gia tài chung của nhân loại phân riêng tốt đẹp của mình.

Muốn chủ động lựa chọn kinh nghiệm của các nước và đóng góp phần mình vào dòng chảy chung của nhân loại, muốn hội nhập và hấp thu được cái lợi do công cuộc toàn cầu hóa mang lại, một trong những việc cần làm là phải có một quyết sách mạnh mẽ nhằm thúc đẩy việc học tiếng Anh trong nhà trường. Singapore đã phát triển một phần vì biết dùng tiếng Anh làm công cụ giao tiếp phổ biến. Gần đây nhất chính phủ mới của Hàn Quốc cũng đã có một chương trình đầy tham vọng, đưa Hàn Quốc trở thành một quốc gia sử dụng tiếng Anh hàng đầu Châu Á. Ngoại ngữ là công cụ bắt buộc phải có để làm việc trong môi trường toàn cầu hóa, là phương tiện tốt nhất để tiếp cận với tri thức hiện đại, để hiểu biết một cách chắc chắn, có gốc rễ. Có ngoại

ngữ giỏi người ta tự tin và có bản lĩnh hơn. Đã đến lúc phải phổ cập tiếng Anh từ Tiểu học để ở Đại học sinh viên không còn phải khó khăn trong việc sử dụng tài liệu bằng tiếng nước ngoài nữa, để mỗi lần xét chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư, ứng viên không phải bị thẩm định về ngoại ngữ nữa! Cũng cần nói thêm rằng hiện nay giới khoa học Việt Nam bị đánh giá là có ít công trình nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế so với các nước trong khu vực. Nguyên nhân của việc đó một phần cũng là do sự hạn chế về ngoại ngữ, nhất là đối với các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Toàn cầu hóa là xu thế

tất yếu và cũng là cơ hội để Việt Nam hội nhập, để giáo dục Việt Nam làm bạn với giáo dục các nước trên thế giới. Trên sân chơi quốc tế chúng ta vừa phải nhập cuộc, vừa phải tỉnh táo biết mình là ai, để không thu mình lại nhưng cũng không bắt chước, rập khuôn vội vã. Làm thế nào để tiếp nhận và lớn lên qua làn sóng toàn cầu hóa – Đó là thách thức đối với giáo dục Việt Nam, trước hết là với những người có trách nhiệm lãnh đạo, với các nhà quản lý giáo dục hiện nay.

TP.HCM, 5 – 2008,